

VIII. PHẨM KHÔNG HÝ LUẬN (*APANNAKAVAGGA*)

I. KINH TINH TÂN (*Padhānasutta*) (A. II. 76)

71. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt¹⁰² và có những căn bản thẳng tấn¹⁰³ để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, nghe nhiều, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt, và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

II. KINH CHÁNH KIẾN (*Sammādiṭṭhisutta*) (A. II. 76)

72. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Tâm viên ly, tâm không sân, tâm không hại, chánh tri kiến.¹⁰⁴

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt, và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

III. KINH BẠC CHÂN NHÂN (*Sappurisasutta*) (A. II. 77)

73. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu không phải bậc chân nhân. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, không phải bậc chân nhân là người đầu không được hỏi, vẫn nói lên lời không tán thán người khác; còn nói gì nếu được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, thời không dè dặt, không ngập ngừng, vị này nói lên lời không tán thán người khác, đầy đủ toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này không phải chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, không phải chân nhân là người đầu được hỏi, không nói lên lời tán thán người khác; còn nói gì nếu không được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, thời dè dặt và ngập ngừng, vị này nói lên lời tán thán người khác, không đầy đủ, không toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này không phải chân nhân.

¹⁰² *Apanṇaka* = *Nibbāna* (Xem A. I. 111). Trong A. I. 270, chỉ cho một con xúc xắc (*maṇi*) rơi đúng. Trong kinh dùng chữ *apanṇakatā*. AA. III. 106: *Apanṇakappaṭipadanti aviraddhappaṭipadam* (“Con đường đúng đắn, chắc thật” nghĩa là con đường không sai, không thất bại). KS. IV. 253, Bà Rhys Davids giải thích là không còn xanh, chín chắn, đáng tin cậy. Bản tiếng Nhật dịch là Vô hý luận đạo.

¹⁰³ *Yoni cassa āradhā*. Có nhiều kinh sử dụng thuật ngữ này. Xem KS. IV. 176; A. I. 113. It. 30.

¹⁰⁴ Ba pháp đầu trong A. I. 275; KS. II. 106.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, không phải chân nhân là người đầu được hỏi, không nói lên lời không tán thán về mình; còn nói gì nếu không được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, thời dè dặt và ngập ngừng, vị này nói lên lời không tán thán về mình, không đầy đủ, không toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu, vị này không phải chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, không phải là chân nhân là người đầu không được hỏi, cũng nói lên lời tán thán về mình; còn nói gì nếu được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, không dè dặt, không ngập ngừng, vị này nói lên lời tán thán về mình, đầy đủ và toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu vị này không phải chân nhân.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu không phải bậc chân nhân.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu là bậc chân nhân. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là người đầu có được hỏi, không nói lên lời không tán thán người khác; còn nói gì nếu không được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi, và phải trả lời, dè dặt và ngập ngừng, vị ấy nói lên lời không tán thán người khác. Cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là người đầu không được hỏi, cũng nói lên lời tán thán người khác; còn nói gì nếu được hỏi!

Nếu được hỏi và phải trả lời, không dè dặt, không ngập ngừng, vị ấy nói lên lời tán thán người khác, đầy đủ và toàn bộ. Cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là người nếu không được hỏi, vẫn nói lên lời không tán thán về mình; còn nói gì nếu được hỏi!

Nếu được hỏi và phải trả lời, không dè dặt, không ngập ngừng, vị ấy nói lên lời không tán thán về mình, đầy đủ và toàn bộ. Cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân đầu có được hỏi cũng không nói lên lời tán thán về mình; còn nói gì nếu không được hỏi!

Nếu được hỏi và phải trả lời, dè dặt và ngập ngừng, vị ấy nói lên lời tán thán về mình, không đầy đủ, không toàn bộ. Cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu là bậc chân nhân.

¹⁰⁵Ví như, này các Tỷ-kheo, người vợ trẻ,¹⁰⁶ trong đêm hay ngày, được đưa

¹⁰⁵ Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là mục IV: *The Young Wife*, nghĩa là *Người vợ trẻ*.

¹⁰⁶ AA. III. 107: *Vadhukāṭi suṇisā* (“Người vợ trẻ” nghĩa là người con dâu). Trong *Ud.* cũng có đề cập đến kinh này.

về nhà chồng, nàng cảm thấy hết sức xấu hổ, sợ hãi trước mặt mẹ chồng, cha chồng, trước mặt chồng, cho đến trước mặt các người phục vụ, làm công. Sau một thời gian, do chung sống, do thân mật, nàng có thể nói với mẹ chồng, với cha chồng, với chồng: “Hãy đi đi, các người có thể biết được gì!”

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo, trong đêm hay ngày, được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cảm thấy hết sức xấu hổ, sợ hãi trước mặt các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, cho đến trước những người làm vườn và những Sa-di. Sau một thời gian, do chung sống, do thân mật, vị ấy có thể nói với Sư A-xà-lê, với Sư Giáo thọ: “Hãy đi đi, các người có thể biết được gì!”

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: “Ta sẽ sống với tâm người vợ trẻ khi mới đến nhà chồng.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IV. KINH SỰ TỐI THƯỢNG THỨ NHẤT (*Paṭhamaaggasutta*) (A. II. 79)

74. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này. Thế nào là bốn? Giới tối thượng, Định tối thượng, Tuệ tối thượng, Giải thoát tối thượng. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này.

V. KINH SỰ TỐI THƯỢNG THỨ HAI (*Dutiyaaggasutta*)¹⁰⁷ (A. II. 79)

75. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này. Thế nào là bốn? Sắc tối thượng, thọ tối thượng, tưởng tối thượng, hữu tối thượng.¹⁰⁸ Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này.

VI. KINH KUSINĀRA (*Kusinārasutta*)¹⁰⁹ (A. II. 79)

76. Một thời, Thế Tôn trú ở Kusināra, tại Upavattana, trong rừng cây Sāla của dân chúng Mallā, giữa những cây Sāla song thọ, khi Ngài sắp sửa nhập Niết-bàn. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành, thời này các Tỷ-kheo, các ông hãy hỏi đi, sau chớ có hối tiếc: “Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn.”

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Lần thứ hai, Thế Tôn... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

¹⁰⁷ Bản tiếng Anh của PTS và bản tiếng Việt đã ấn hành không có tiêu đề này.

¹⁰⁸ AA. III. 107: *Bhavagganti ettha pana yasmim attabhāve titho arahattam pāpunāti, etaṃ bhavaggaṃ nāmāti* (“Hữu tối thượng” [trong kinh này] có nghĩa là tại nơi ngã hữu [vị ấy] thành tựu A-la-hán, như vậy gọi là hữu tối thượng).

¹⁰⁹ Xem D. II. 137, 154.

– Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành, thời này các Tỷ-kheo, các ông hãy hỏi đi, về sau chớ có hối tiếc: “Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn.”

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay! Bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành.

– Này Ānanda, ông có lòng tin thành nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ānanda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành. Này Ānanda, trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất¹¹⁰ đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thoái đạo, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

VII. KINH KHÔNG THỂ NGHĨ ĐẾN ĐƯỢC (*Acinteyyasutta*)¹¹¹ (A. II. 80)

77. Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.¹¹² Thế nào là bốn?

Phật giới của các đức Phật, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thiên giới của người ngồi thiền, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Quả dị thực của nghiệp, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Tâm tư thế giới,¹¹³ này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

¹¹⁰ Chú giải giải thích là chỉ cho Ngài Ānanda và đề khuyến khích Ngài Ānanda nên kiên trì.

¹¹¹ Tham chiếu: *Tăng*. 增 (T.02. 0125.29.6. 0657a18); *Tạp*. 雜 (T.02. 0099.407. 0108c28).

¹¹² Tỷ-kheo nào không được khéo huấn luyện về *Abhidhamma*, đi quá sâu và rơi vào những hý luận về những vấn đề không nên nghĩ đến. Xem *Expos.* I. 31.

¹¹³ AA. III. 109: *Lokacintāti* “*kena nu kho candimasūriyā katā, kena mahāpathavī, kena mahāsamuddo, kena sattā uppāditā, kena pabbatā, kena ambatālanālikarādayo*” *ti evarūpā lokacintā* (“Tâm tư thế giới” nghĩa là suy tư về thế giới như tư duy: “Ai tạo ra mặt trời, mặt trăng, đại địa, đại dương, sự sanh ra chúng sanh, núi, cây xoài, cây thốt nốt, cây dừa...?”). Xem *KS.* V. 377.

VIII. KINH THANH TỊNH THÍ VẬT (*Dakkhiṇasutta*)¹¹⁴ (A. II. 80)

78. Nay các Tỷ-kheo, có bốn thanh tịnh thí vật này.¹¹⁵ Thế nào là bốn? Có bố thí, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận. Có bố thí, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh từ người nhận, không thanh tịnh từ người cho. Có bố thí, này các Tỷ-kheo, không thanh tịnh từ người cho, cũng không thanh tịnh từ người nhận. Có bố thí, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh từ người cho, cũng thanh tịnh từ người nhận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bố thí thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người cho có giới, theo thiện pháp, còn người nhận có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bố thí thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là bố thí thanh tịnh từ người nhận, không thanh tịnh từ người cho?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bố thí có ác giới, theo ác pháp, còn người nhận có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bố thí người nhận thanh tịnh, người cho không thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bố thí người cho không thanh tịnh, và người nhận cũng không thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người cho có ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bố thí người cho không thanh tịnh, người nhận cũng không thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bố thí người cho thanh tịnh, người nhận cũng thanh tịnh?

Ở đây này các Tỷ-kheo, người bố thí có giới, theo thiện pháp, và người nhận cũng có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bố thí người cho thanh tịnh, và người nhận cũng thanh tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại bố thí thanh tịnh này.

IX. KINH BUÔN BÁN (*Vaṇijjasutta*) (A. II. 81)

79. Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy,¹¹⁶ đi đến thất bại? Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có hạng người, do buôn bán như vậy, thành tựu không được như ý muốn? Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy,

¹¹⁴ Xem D. III. 231, nhưng trật tự có khác. M. III. 256 có thêm các bài kệ và pháp thứ năm.

¹¹⁵ Chú giải ghi ba bố thí để làm ví dụ: 1) Bố thí của Vua Vessantara. 2) Bố thí của *Kevatta* cho Trưởng lão Dīghasamma. 3) Bố thí bởi một người đi săn ở Vaddhamāna tại cuộc tế lễ người mất.

¹¹⁶ *Payuttā*: Không phải nghĩa tiêu phí, mà có nghĩa là làm nghề buôn bán. Sn. 71 viết *payojaye dhammikam so vaṇijjam* (để được hưng thịnh, cần phải buôn bán thật thà đúng pháp).

thành tựu được như ý muốn? Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, lại được thành tựu ngoài ý muốn?

– Ở đây, này Sāriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: “Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ”, nhưng người ấy không cho như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đẩy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy đi đến chỗ thất bại.

Ở đây, này Sāriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: “Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ”, nhưng người ấy cho không như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đẩy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy đi đến thành tựu không như ý muốn.

Ở đây, này Sāriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: “Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ”, và người ấy cho như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đẩy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy đi đến thành tựu như ý muốn.

Ở đây, này Sāriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: “Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ”, và người ấy cho hơn như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đẩy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy được thành tựu ngoài ý muốn.

Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, đi đến thất bại. Đây là nhân, đây là duyên, này Sāriputta, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, thành tựu không được như ý muốn. Đây là nhân, đây là duyên, này Sāriputta, ở đây, có hạng người, do buôn bán như vậy, thành tựu được như ý muốn. Đây là nhân, đây là duyên, này Sāriputta, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, được thành tựu ngoài ý muốn.

X. KINH TINH TÚY CỦA SỰ NGHIỆP (*Kambojasutta*)¹¹⁷ (A. II. 82)

80. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, nữ nhân không ngồi giữa trong pháp đình, không có dấn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp?

– Phần nọ là nữ nhân, này Ānanda. Tật đó là nữ nhân, này Ānanda. Xan tham là nữ nhân, này Ānanda. Ác tuệ là nữ nhân, này Ānanda. Đây là nhân, đây là duyên, này Ānanda, nữ nhân không ngồi giữa pháp đình, không có dấn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp.

¹¹⁷ *Kamboja* (tức *Kambu + oja*) nghĩa là tinh túy của sự nghiệp. *Kamboja* còn là tên gọi của một nước ở phía Tây Bắc Ấn Độ gần Afghanistan.